



Thứ năm, ngày 14 tháng 2 năm 2019

Vietnam Daily Review

Duy trì tâm lý tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/2/2019		•	
Tuần 11/2-15/2/2019		•	
Tháng 2/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng điểm trong phiên sáng, trong phiên chiều đã tăng được có sự cải thiện.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VIC (+3.79 điểm); VHM (+1.94 điểm); VRE (+0.78 điểm); VNM (+0.58 điểm); VCB (+0.45 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm GAS (-0.29 điểm); TCB (-0.26 điểm); EIB (-0.22 điểm); VPB (-0.187 điểm); VJC (-0.182 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành tài nguyên cơ bản và bất động sản, thanh khoản giảm đôi chút so với phiên ngày giao dịch hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3261.62 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 7.67 điểm. Thị trường có 142 mã tăng và 155 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 7.09 điểm, đóng cửa tại 952.34 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.38 xuống 106.12 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 1486.03 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã MSN (1248.84 tỷ), VCB (61.11 tỷ) và VNM (49.99 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã bán ròng 16.01 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng có sự bật tăng điểm do lực mua tập trung ở nhóm cổ phiếu bất động sản như VIC, VHM, VRE và các mã blue-chips như VNM, SAB, VCB. Trong phiên chiều, chỉ số tiếp tục được cải thiện bởi lực mua lớn tiếp tục đến từ nhóm cổ phiếu này. Khối ngoại mua ròng và thanh toán khoản giảm đôi chút so với phiên trước. Theo quan điểm của BSC, tâm lý thị trường tuy vẫn tích cực nhưng vẫn đang trong trạng thái chờ đợi những tín hiệu từ cuộc đàm phán Mỹ - Trung.

Phân tích kỹ thuật:

MWG_Tăng giá trung hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **952.34**

Giá trị: 3261.63 tỷ **7.09 (0.75%)**

Khối ngoại (ròng): 1486.07 tỷ

HNX-INDEX **106.12**

Giá trị: 413.87 tỷ **-0.37 (-0.35%)**

Khối ngoại (ròng): -16.01 tỷ

UPCOM-INDEX **55.39**

Giá trị: 219.53 tỷ **-0.41 (-0.73%)**

Khối ngoại(ròng): 2.76 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.5	1.15%
Giá vàng	1,306	0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,197	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,085	-0.70%
Tỷ giá JPY/VND	20,895	-0.04%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	1230.8	VHM	17.7
VCB	61.1	DQC	10.0
HPG	42.3	DRC	8.8
VRE	39.8	KBC	8.6
VIC	25.6	VJC	8.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

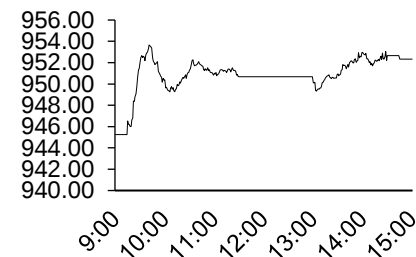
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
GMD	0.7	27.2	25.50	28.46	MUA	Tăng giá trong dài hạn
PVD	0.8	16.9	13.85	17.44	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
HVN	0.9	40.6	35.60	41.32	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PHR	0.5	37.6	34.00	39.07	MUA	Tăng giá kéo dài
HUT	0.4	3.6	3.30	4.00	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
TDM	0.4	21.4	18.50	21.67	MUA	Tăng giá kéo dài
VEA	0.6	48.7	33.70	54.80	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
HPG	8.7	31.0	27.00	32.28	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VNM	8.1	139.4	120.00	143.77	MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	5.4	86.0	77.50	87.70	MUA	Tăng giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

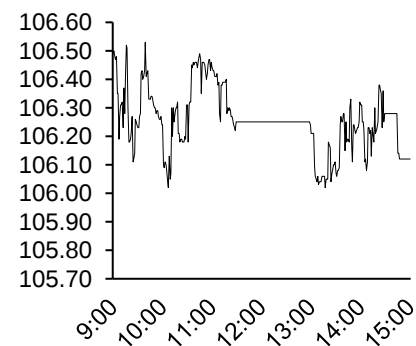
Phân tích kỹ thuật

MWG_Tăng giá trung hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD hướng lên.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, điều chỉnh từ kênh Bollinger trên.
- Đường MA: 3 đường MA tiếp tục đi ngang.

Nhận định: MWG vẫn đang trong nhịp this lũy quanh kênh giá 85 từ đầu tháng 12, với ngưỡng hỗ trợ tại 81.35 (Fibonacci 23.6%). Chỉ báo RSI đã điều chỉnh nhẹ sau khi cổ phiếu chạm kênh bolinger trên. Chỉ báo MACD vẫn ủng hộ xu hướng hồi phục. Bên cạnh đó, Nhịp vận động của 3 đường MA cho thấy cổ phiếu đang trong xu hướng tích lũy. Việc cổ phiếu điều chỉnh nhẹ trước ngưỡng MA200 cho thấy lực bứt phá lên vùng giá trên vẫn chưa rõ ràng. Như vậy, MWG có thể sẽ tiếp tục tích lũy quanh vùng giá này khi các chỉ số kỹ thuật vẫn đang khá đan xen.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1902	892.1	-0.3%	-11.0%
VN30F1903	890.0	-0.2%	18.1%
VN30F1906	888.8	-11.0%	-11.0%
VN30F1909	890.0	-0.1%	-42.0%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	113	3.6	2.4
VHM	82	2.4	1.0
VRE	32	3.6	0.7
VNM	139	0.8	0.7
SBT	21	4.5	0.3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	18	-3	-0.8
TCB	27	-1	-0.8
VPB	21	-1	-0.6
VJC	123	-1	-0.4
HDB	31	-1	-0.4

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	34.90	6.7%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.25	21.0%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	61.00	-4.7%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	16.85	8.7%	14.3	17.8
5	VJC	25/1/2019	122.50	123.40	0.7%	112.7	140.9
Trung bình					7.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	18/09/2017	41.9	50.40	20.3%	39.8	50.3
Trung bình					20.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.3	1.5%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.9	8.0%	14.4	18.7
Trung bình					4.7%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	85.7	-0.6%	0.7	1,651	2.5	6,696	12.8	4.2	49.0%	38.7%	
PNJ	Bán lẻ	97.2	-0.4%	1.0	706	1.7	5,874	16.5	4.3	49.0%	28.7%	
BVH	Bảo hiểm	96.3	-0.2%	1.3	2,935	0.5	1,519	63.4	4.6	24.8%	7.3%	
PVI	Bảo hiểm	33.0	0.6%	0.8	332	0.0	2,234	14.8	1.1	43.9%	7.6%	
VIC	Bất động sản	112.9	3.6%	1.0	15,667	4.9	1,126	100.3	6.4	9.3%	8.0%	
VRE	Bất động sản	31.5	3.6%	1.1	3,189	3.5	1,033	30.5	2.6	31.8%	8.8%	
NVL	Bất động sản	57.9	0.7%	0.8	2,342	1.7	3,452	16.8	2.8	6.9%	20.1%	
REE	Bất động sản	34.9	-0.1%	1.1	470	0.6	5,754	6.1	1.2	49.0%	20.6%	
DXG	Bất động sản	24.8	0.0%	1.5	377	2.0	3,415	7.3	1.7	48.3%	26.7%	
SSI	Chứng khoán	27.1	-0.4%	1.3	600	1.7	2,611	10.4	1.5	57.5%	14.8%	
VCI	Chứng khoán	38.3	0.0%	1.0	271	0.3	5,047	7.6	1.7	40.9%	24.7%	
HCM	Chứng khoán	50.4	-1.4%	1.4	284	0.7	5,213	9.7	2.1	60.9%	23.1%	
FPT	Công nghệ	44.3	-0.7%	0.9	1,180	1.2	3,902	11.3	2.2	49.0%	21.9%	
FOX	Công nghệ	50.0	-1.0%	0.4	492	0.0	3,453	14.5	3.7	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	92.5	-0.5%	1.5	7,697	1.9	6,216	14.9	3.9	3.5%	27.8%	
PLX	Dầu khí	56.7	-0.7%	1.5	2,857	2.5	3,203	17.7	3.2	10.6%	18.1%	
PVS	Dầu khí	19.4	-1.5%	1.7	403	2.1	2,185	8.9	0.8	22.1%	9.5%	
BSR	Dầu khí	14.2	0.7%	0.8	1,914	1.0	#N/A	N/A	N/A	N/A	41.1%	23.0%
DHG	Dược	88.8	3.1%	0.5	505	0.6	4,448	20.0	3.7	47.0%	19.8%	
DPM	Hóa chất	23.3	-0.6%	0.8	396	0.7	1,551	15.0	1.1	22.9%	8.8%	
DCM	Hóa chất	9.2	-0.4%	0.7	211	0.3	1,115	8.2	0.8	3.6%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	60.2	0.7%	1.3	9,708	4.2	4,070	14.8	3.4	23.3%	25.2%	
BID	Ngân hàng	32.4	-0.3%	1.6	4,816	1.4	2,152	15.1	2.1	3.1%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	20.9	0.0%	1.7	3,375	4.6	1,456	14.3	1.2	29.5%	8.3%	
VPB	Ngân hàng	21.3	-1.2%	1.2	2,270	2.1	3,025	7.0	1.5	23.2%	22.8%	
MBB	Ngân hàng	22.1	0.5%	1.3	2,076	4.8	2,829	7.8	1.5	20.0%	20.1%	
ACB	Ngân hàng	30.1	-1.3%	1.2	1,632	1.8	4,119	7.3	1.8	34.3%	27.7%	
BMP	Nhựa	50.4	-0.8%	0.9	179	0.3	5,230	9.6	1.7	76.6%	17.5%	
NTP	Nhựa	39.7	-2.0%	0.4	154	0.3	3,715	10.7	1.6	23.0%	15.3%	
MSR	Tài nguyên	20.0	2.6%	1.2	782	0.1	229	87.4	1.6	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	31.0	0.3%	1.0	2,863	8.7	4,037	7.7	1.6	38.7%	23.6%	
HSG	Thép	7.6	2.2%	1.5	127	1.8	355	21.4	0.6	15.8%	2.6%	
VNM	Tiêu dùng	139.4	0.8%	0.7	10,554	8.1	5,294	26.3	9.4	59.6%	37.5%	
SAB	Tiêu dùng	238.0	0.8%	0.8	6,636	1.3	6,334	37.6	10.1	9.8%	29.4%	
MSN	Tiêu dùng	86.0	0.1%	1.2	4,349	5.4	4,578	18.8	3.4	40.5%	22.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.9	4.5%	0.6	477	3.6	290	72.1	1.8	11.3%	2.8%	
ACV	Vận tải	85.5	-0.6%	0.8	8,093	0.1	1,883	45.4	6.8	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	123.4	-0.9%	1.1	2,906	2.5	9,632	12.8	4.8	22.7%	42.6%	
HVN	Vận tải	40.6	-1.0%	1.7	2,504	0.9	1,727	23.5	3.3	10.9%	14.6%	
GMD	Vận tải	27.2	-1.3%	0.9	351	0.7	6,153	4.4	1.4	49.0%	29.4%	
PVT	Vận tải	17.6	0.6%	0.7	215	0.3	2,281	7.7	1.2	33.3%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	64.5	4.0%	1.0	440	0.7	6,057	10.6	3.7	2.5%	43.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	20.0	-1.0%	0.9	390	1.7	1,179	17.0	1.5	25.1%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	0.3%	0.8	253	0.2	1,690	9.0	1.1	5.9%	12.5%	
CTD	Xây dựng	137.3	2.5%	0.8	451	1.2	18,357	7.5	1.3	46.8%	18.8%	
VCG	Xây dựng	25.0	2.9%	1.3	480	2.2	1,021	24.5	1.6	0.0%	7.5%	
CII	Xây dựng	23.4	-0.6%	0.5	251	0.5	334	69.9	1.2	54.2%	1.6%	
POW	Điện	16.9	0.0%	0.6	1,716	3.7	716	23.5	1.6	15.3%	6.8%	
NT2	Điện	29.4	-0.2%	0.6	367	0.2	2,618	11.2	2.3	22.7%	17.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	112.90	3.58	3.79	995310.00
VHM	81.90	2.38	1.94	971710.00
VRE	31.50	3.62	0.78	2.56MLN
VNM	139.40	0.80	0.58	1.34MLN
VCB	60.20	0.67	0.45	1.63MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.90	2.60	0.21	9.20MLN
VCS	64.50	4.03	0.08	262975.00
VGS	11.90	8.18	0.03	376050.00
AMV	34.00	3.66	0.02	11100.00
HUT	3.60	2.86	0.02	2.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	92.50	-0.54	-0.29	475450.00
TCB	27.30	-0.91	-0.27	2.29MLN
EIB	17.90	-3.24	-0.23	263240.00
VPB	21.25	-1.16	-0.19	2.30MLN
VJC	123.40	-0.88	-0.18	473820.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	30.10	-1.31	-0.50	1.37MLN
PVS	19.40	-1.52	-0.07	2.44MLN
VGC	20.00	-0.99	-0.04	1.96MLN
DGC	43.40	-1.36	-0.04	47910.00
OCH	5.00	-7.41	-0.04	67300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EMC	10.70	7.00	0.00	20.00
NAV	8.74	6.98	0.00	300.00
HAR	4.45	6.97	0.01	1.14MLN
NKG	7.53	6.96	0.03	1.92MLN
DAT	12.35	6.93	0.01	20.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	16.67	0.01	204300.00
BII	0.80	14.29	0.00	614804.00
DNC	27.50	10.00	0.00	100.00
LIG	4.40	10.00	0.02	63400.00
VNT	27.80	9.88	0.01	3250.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ICF	1.61	-6.94	0.00	60.00
TTE	9.96	-6.92	-0.01	90.00
PTC	5.25	-6.91	0.00	100.00
TCR	2.45	-6.84	0.00	20.00
LM8	23.20	-6.45	-0.01	100.00

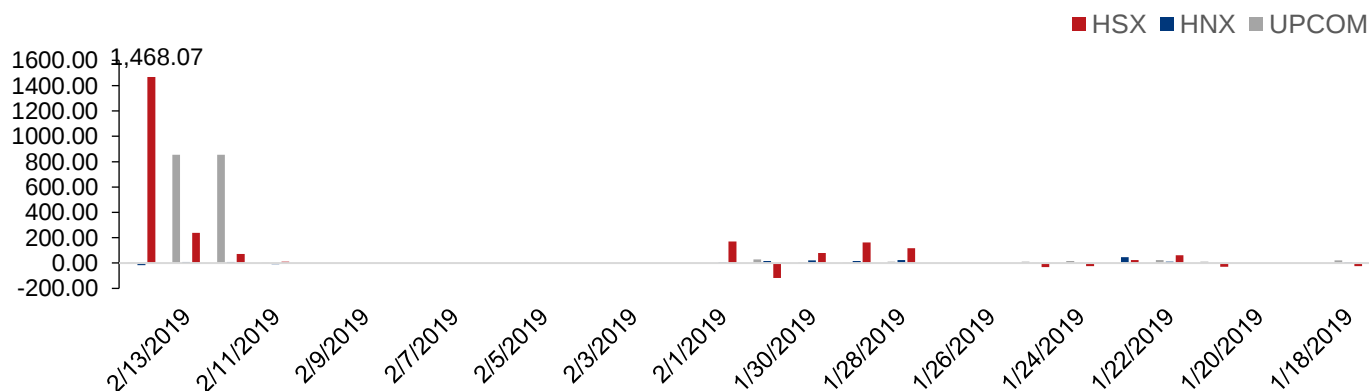
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	-14.29	0.00	88800.00
LCS	2.90	-9.38	0.00	100.00
SDU	9.90	-9.17	0.00	800.00
VIG	1.00	-9.09	0.00	176904.00
CET	3.20	-8.57	0.00	41000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
15	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VHC	Thủy sản	Theo dõi	20/12/2018	85.9	108.6	92.7	15,644	5.9	2.1	Click	
2	CSV	Hóa chất	Mua	19/12/2018	29.9	36.6	29.1	5,695	5.1	1.6	Click	
3	CMG	Công nghệ	Theo dõi	13/12/2018	24.4	27.0	28.5	1,224	23.3	2.1	Click	
4	VSC	Cảng biển	Mua	12/12/2018	42.6	50.4	44.6	5,995	7.4	1.4	Click	
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/12/2018	14.5	18.1	14.3	1,591	9.0	0.7	Click	
6	HPG	Thép	Nắm giữ	11/12/2018	33.8	38.0	31.0	4,037	7.7	1.6	Click	
7	PVT	Vận tải	Mua	28/11/2018	16.1	21.7	17.6	2,281	7.7	1.2	Click	
8	MWG	Bán lẻ	Mua	22/11/2018	84.8	124.0	85.7	6,696	12.8	4.2	Click	
9	BMP	Nhựa	Nắm giữ	20/11/2018	55.3	60.8	50.4	5,230	9.6	1.7	Click	
10	VNM	Thực phẩm	Theo dõi	19/11/2018	115.0	124.3	139.4	5,294	26.3	9.4	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	97.2	5,874	16.5	4.3	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	44.3	3,902	11.3	2.2	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	21.7	1,167	18.6	1.7	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	29.1	4,070	7.2	1.2	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	28.5	4,811	5.9	1.9	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	137.3	18,357	7.5	1.3	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	36.8	7,493	4.9	2.0	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	27.2	6,153	4.4	1.4	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	16.0	1,929	8.3	0.7	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	82.1	17,772	4.6	1.1	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

